

- Xây dựng các văn bản quy định về nhiệm vụ, biên chế, trang bị vật tư y tế, lề lối làm việc, biện pháp triển khai các lực lượng y tế can thiệp nhanh.

- Xây dựng chế độ quản lý, bảo quản, sử dụng vật tư y tế chuyên dụng của các lực lượng y tế cơ động.

- Xây dựng chế độ áp dụng đối với những cán bộ, nhân viên của lực lượng y tế cơ động.

6. Kinh phí thực hiện:

a) Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao thực hiện Dự án, Bộ Y tế xây dựng dự toán gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, cân đối vào ngân sách hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động bố trí ngân sách hàng năm của địa phương để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Dự án.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Từ năm 2001 đến năm 2010.

Điều 2. Bộ Y tế là cơ quan chủ trì thực hiện Dự án, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng kế hoạch, hướng dẫn kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện Dự án hàng năm để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và tổng kết việc thực hiện Dự án vào năm 2010.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

CÁC BỘ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

THÔNG TƯ số 51/2001/TT/BNN-XDCB ngày 03/5/2001 hướng dẫn lập và điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Căn cứ Thông tư số 03/2001/TT-BXD ngày 13/2/2001 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và điều chỉnh dự toán công trình xây dựng cơ bản,

Căn cứ văn bản thỏa thuận của Bộ Xây dựng số 627/BXD-VKT ngày 19/4/2001 về việc hướng dẫn lập và điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể việc lập và điều chỉnh một số khoản mục dự toán xây dựng cơ bản các công trình thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Thông tư này hướng dẫn điều chỉnh dự toán chi phí nhân công và máy thi công công trình xây dựng cơ bản thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên cơ sở Thông tư số 03/2001/TT-BXD ngày 13/2/2001 của Bộ Xây dựng.

Ngoài những quy định chung được thực hiện theo hướng dẫn trong Thông tư số 03/2001/TT-BXD ngày 13/2/2001 của Bộ Xây dựng, Thông tư này chỉ hướng dẫn thêm việc điều chỉnh giá dự toán xây lắp công trình xây dựng cơ bản có áp dụng một số định mức, đơn giá chuyên ngành

do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (riêng đơn giá khoan phụt vữa gia cố chất lượng đê ban hành theo Quyết định số 13/2001/QĐ/BNN-PCLB ngày 20/2/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì không được điều chỉnh).

II. ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ DỰ TOÁN XÂY LẮP

1. Điều chỉnh chi phí nhân công:

a) Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được điều chỉnh với hệ số $K_{NC} = 1,46$ lần.

b) Chi phí nhân công trong Định mức dự toán và đơn giá khoan phụt xử lý công trình thủy lợi tại Quyết định số 220/1998/QĐ/BNN-XDCB ngày 30/12/1998 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, được tính hệ số điều chỉnh $K_{NC} = 1,46$ lần

2. Điều chỉnh chi phí máy thi công:

a) Chi phí máy thi công trong dự toán xây lắp công trình xây dựng, lập theo đơn giá địa phương, được điều chỉnh với hệ số $K_{MTC} = 1,07$ lần.

b) Chi phí giá dự toán ca máy, thiết bị chuyên ngành tại Quyết định số 27/1999/QĐ/BNN-ĐTXD ngày 03/2/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được điều chỉnh với hệ số sau:

- Xăng cạp có dung tích $0,65 \text{ m}^3 \div 0,95 \text{ m}^3$: hệ số điều chỉnh 1,06 lần.

- Xăng cạp có dung tích $1,25 \text{ m}^3$: hệ số điều chỉnh 1,05 lần.

- Tàu hút bùn loại HB công suất $\leq 300\text{cv}$: hệ số điều chỉnh 1,07 lần.

- Tàu hút bùn loại HF900: hệ số điều chỉnh 1,06 lần.

- Tàu hút bùn loại Beaver 300cv $\div 600\text{cv}$: hệ số điều chỉnh 1,05 lần.

- Tàu hút bùn loại Beaver 1600cv $\div 3800\text{cv}$: hệ số điều chỉnh 1,04 lần.

c) Chi phí máy thi công trong Định mức dự toán và đơn giá khoan phụt xử lý công trình thủy lợi tại Quyết định số 220/1998/QĐ/BNN-XDCB ngày 30/12/1998 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, được điều chỉnh với hệ số $K_{NC} = 1,07$ lần.

3. Chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng:

Chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước theo Phụ lục 2 của Thông tư số 09/2000/TT-BXD ngày 17/7/2000 của Bộ Xây dựng. Thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định hiện hành.

III. ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ KHÁC TRONG TỔNG DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều chỉnh dự toán chi phí khảo sát xây dựng, chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng; chi phí thiết kế công trình xây dựng; chi phí Ban quản lý dự án...

Thực hiện theo hướng dẫn trong Thông tư số 03/2001/TT-BXD ngày 13/2/2001 của Bộ Xây dựng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

IV.1. Những trường hợp không được điều chỉnh dự toán theo Thông tư này:

1. Những dự án đầu tư thực hiện từ đầu năm 2001 đã được phê duyệt kết quả đấu thầu theo phương thức "hợp đồng trọn gói".

2. Những khối lượng công tác thực hiện sau ngày 01 tháng 1 năm 2001 đã hoàn thành việc

nghiệm thu thanh toán, hoặc đã được quyết toán công trình.

3. Những khối lượng chỉ định, hoặc gói thầu thực hiện theo phương thức hợp đồng có điều chỉnh giá có tiến độ xây dựng dưới 12 tháng (đối với gói thầu vốn vay ADB, WB... có quy định riêng) và đã thực hiện từ năm 2000 thì phần khối lượng còn lại chuyển sang năm 2001 cũng không được điều chỉnh giá.

4. Đối với dự án thực hiện đấu thầu quốc tế trong nước, các dự án do nhà thầu nước ngoài đang thi công tại Việt Nam.

IV.2. Những trường hợp được điều chỉnh dự toán theo Thông tư này và cách tính điều chỉnh giá dự toán:

1. Những trường hợp được điều chỉnh dự toán:

- Những khối lượng chỉ định thầu, hoặc gói thầu thực hiện phương thức hợp đồng có điều chỉnh giá có tiến độ thi công trên 12 tháng thì chỉ điều chỉnh cho phần khối lượng thực hiện từ tháng thứ 13 trở đi. Quy định này được áp dụng cho khối lượng còn lại của năm trước chuyển tiếp sang năm 2001 và cả các gói thầu được quyết định trúng thầu (hay chỉ định thầu) trong năm 2001 (đối với gói thầu sử dụng vốn vay ADB, WB... thời gian cho phép điều chỉnh giá được quy định riêng theo Hiệp định).

- Đối với những công trình, hạng mục công trình đã được cấp quyết định đầu tư phê duyệt tổng dự toán, dự toán, nhưng chưa hoặc đang tổ chức đấu thầu hay chỉ định thầu, thì chủ đầu tư phải điều chỉnh lại tổng dự toán, dự toán theo hướng dẫn của Thông tư này để trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt lại.

2. Cách tính điều chỉnh giá dự toán:

- Trường hợp giá chỉ định thầu hoặc giá bỏ thầu không có đơn giá chi tiết thì được tính chuyển đổi từ đơn giá của địa phương (hoặc giá công trình) tương ứng sang đơn giá trúng thầu (xem Phụ lục hướng dẫn kèm theo Thông tư này).

- Trường hợp giá chỉ định thầu hoặc giá bỏ thầu có đơn giá chi tiết thì tính trực tiếp như Thông tư đã quy định.

3. Khi trình dự toán điều chỉnh hoặc điều chỉnh giá chỉ định thầu, bổ sung giá trúng thầu theo quy định trên, cần kèm theo các dự toán đã được duyệt, các quyết định chỉ định thầu và trúng thầu có kèm theo giá, biên bản nghiệm thu, thanh toán các kỳ, khối lượng cần điều chỉnh giá, đồng thời có ý kiến xác nhận của Kho bạc nhà nước về kết quả thanh toán.

IV.3. Hiệu lực thi hành:

Thông tư này được thống nhất áp dụng trong toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001, thay thế Thông tư số 112/2000/TT/BNN-XDCB ngày 06/11/2000 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Nhận được Thông tư này, yêu cầu các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và các đơn vị tư vấn rà soát ngay những khối lượng công việc thuộc phạm vi có thể điều chỉnh và chia làm hai loại:

Loại 1: Khi điều chỉnh không làm tăng giá trị tổng dự toán đã được duyệt.

Loại 2: Khi điều chỉnh làm tăng tổng dự toán và vượt vốn đầu tư năm 2001. Trường hợp này Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án cùng với đơn vị tư vấn báo cáo tổng hợp về Bộ, kèm theo các biện pháp xử lý. Sau khi đề nghị được chấp thuận, Bộ cho phép triển khai thủ tục điều chỉnh đối với từng đối tượng cụ thể.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và các đơn vị gửi văn bản phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

PHẠM HỒNG GIANG

Những khối lượng trúng thầu từ năm 1999 trở về sau, cách tính như trên, nhưng bỏ các hệ số giảm 1,09; 1,11; 1,08

Trường hợp ở tại thời điểm trúng thầu, theo đơn giá của địa phương được tính vào đơn giá như bù, trừ vật liệu, hệ số nhân công và số phụ cấp v.v... thì áp dụng cách tính như trên, đưa vào giá cho đủ theo quy định./.

QUYẾT ĐỊNH số 56/2001/QĐ-BNN-BVTV ngày 23/5/2001 về việc công bố Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và quá cảnh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 92/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và quá cảnh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

1. Thực vật:

a) Cây giống các loại và các bộ phận của cây dùng làm giống như: hạt, cành ghép, mắt ghép, thân ngầm, chồi, quả, rễ, củ, ~~mô~~ thực vật nuôi cấy trên môi trường nhân tạo.

b) Cây các loại và các bộ phận của cây như: nụ, hoa, quả, cành, thân, lá, rễ, củ, hạt, vỏ và các bộ phận khác ở các dạng khác nhau.

2. Sản phẩm thực vật: gạo, tấm, các loại bột, malt, cám, khô dầu; các loại hạt, chè, sợi day, thuốc lá sợi, lá thuốc lá, men rượu, men thức ăn chăn nuôi; gỗ và các sản phẩm của gỗ; mây, song, tre nứa, chiếu, cói, rơm, rạ; các loại dược liệu; các loại thảo dật có nguồn gốc từ thực vật.

3. Các loại côn trùng, nấm bệnh, tuyến trùng, vi khuẩn, virus, cỏ dại (ở dạng sống hoặc chết) và các loại tiêu bản thực vật.

4. Đất và những vật thể khác có khả năng mang theo sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

5. Phương tiện vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có khả năng mang đối tượng kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu thì chỉ thực hiện việc kiểm dịch trong trường hợp khách hàng có yêu cầu kiểm dịch hoặc phải thực hiện theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 50/1999/QĐ-BNN-BVTV ngày 16 tháng 3 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

NGÔ THẾ DÂN

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
01555488